

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thúy Liễu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Xuân Cúc

2. Ông Phạm Tấn Lợi

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Châu tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ B, Ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

*Bị đơn:* chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ B, Ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Thành L trình bày:*

Về hôn nhân: vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. C sống đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, không

còn tình cảm với nhau. Chị H bỏ đi từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hồng C1, sinh ngày 10/10/1994 và Nguyễn Thành H1, sinh ngày 14/02/2004. Các con đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chị Trần Thị Mỹ H không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày:*

*Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến 40, Điều 68, Điều 93 đến 97, Điều 195, Điều 196 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Thành L. Về con chung: không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết. Về án phí: anh L chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Thành L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Trần Thị Mỹ H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: anh Nguyễn Thành L và chị Trần Thị Mỹ H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2003 nên căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[2.2] Về xác định mâu thuẫn: anh L xác định vợ chồng có mâu thuẫn nên đã ly thân nhau từ năm 2023, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Tuy nhiên, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử chị H không đến Tòa án, không thể hiện ý kiến về việc anh L yêu cầu ly hôn, xem như chị H không muốn níu kéo mối quan hệ hôn nhân này. Như vậy, xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L.

[2.3] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hồng C1, sinh ngày 10/10/1994 và Nguyễn Thành H1, sinh ngày 14/02/2004. Con chung đã đủ 18 tuổi nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung: không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Anh L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án:

Anh Nguyễn Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006297 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Trần Thị Mỹ H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 91, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của anh Nguyễn Thành L đối với chị Trần Thị Mỹ H.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thành L và chị Trần Thị Mỹ H.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hồng C1, sinh ngày 10/10/1994 và Nguyễn Thành H1, sinh ngày 14/02/2004. Con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án không giải quyết. Anh chị xác định vợ chồng không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Thành L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006297 ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh L đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Trần Thị Mỹ H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã **Suối Dây**;
- VKSND h Tân Châu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

